

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2021/HS-ST

Ngày: 19-5-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Ngọc Dũng

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Kiều Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 334/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2021/QĐXXST-HS ngày 28/4/2021 đối với bị cáo:

Thạch Đ, sinh năm 1990 tại tỉnh S. Nơi cư trú: Ấp L, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch O và bà Lê Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/6/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”; ngày 25/02/2021, bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 09 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; bị cáo bị bắt tạm giam về tội phạm khác; có mặt.

**- Bị hại:**

1. Ông Trần Hùng D, sinh năm 1977. Nơi cư trú: đường P, Tổ 1, Khu 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Khu 2, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông Phan Quốc D, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông Lê Trung N, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Khu 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đ là chủ sở hữu chiếc xe mô tô hiệu Honda SH150i, biển số 61D1-536.63; ngày 26/6/2018, Đ bán xe này cho ông Trần Hùng D, hợp đồng mua bán được công chứng tại Văn phòng Công chứng S; sau khi bán xe, Đ mượn lại xe của ông D để đi lại, vì quen biết Đ nên ông D đồng ý; Đ sử dụng xe đến tháng 6/2019, do thiếu tiền nên Đ đã đem xe cầm cho ông Phan Quốc D lấy số tiền 100.000.000 đồng, Đ hẹn 01 tháng sau sẽ đến chuộc lại xe; tuy nhiên, khi hết hạn Đ không đến nên ông Quốc D rao bán xe. Khoảng đầu tháng 01/2020, ông Hùng D đi qua nhìn thấy ông Quốc D treo biển bán xe của mình; ông Hùng D hỏi ông Quốc D thì được biết Đ đã cầm xe cho ông Quốc D. Ngày 18/02/2020, ông Hùng D gửi đơn tố cáo hành vi của Thạch Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một; vật chứng thu giữ là chiếc xe mô tô hiệu Honda SH150i, biển số 61D1-536.63.

Ngày 11/01/2020, Đ hỏi mượn xe mô tô của ông Lê Trung N để đi công việc, do xe của ông N không có giấy đăng ký nên Đ không mượn và nói ông N chở Đ đến nhà ông Phạm Văn T để mượn xe của ông T và để xe của ông N lại cho ông T có phương tiện đi lại, ông N đồng ý. Do quen biết với Đ nên ông T đồng ý giao xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 61B1-923.62 và giấy tờ xe cho Đ mượn. Sau khi mượn được xe, Đ chở ông N về nhà rồi đi công việc; 02 ngày sau, do hết tiền tiêu xài nên Đ đem xe của ông T đi cầm cho một tiệm cầm đồ (hiện chưa xác định được tên hiệu và địa chỉ cụ thể) được 17.000.000 đồng. Ông T không thấy Đ trả xe nên đã liên lạc yêu cầu Đ trả xe nhưng Đ vẫn không trả xe cho ông T. Ngày 03/02/2020, ông T đến Công an phường P trình báo hành vi chiếm đoạt xe của Đ; vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 75/KLTS-TT ngày 23/4/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một kết luận: Xe mô tô hiệu Honda SH150i, biển số 61D1-536.63 trị giá 80.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 77/KLTS-TT ngày 23/4/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một kết luận: Xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 61B1-923.62 trị giá 25.000.000 đồng.

Ngày 31/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả xe mô tô hiệu Honda SH150i, biển số 61D1-536.63 cho ông Hùng D; ông Hùng D không có yêu cầu Đ bồi thường. Ông Quốc D yêu cầu Đ bồi thường số tiền 100.000.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 61B1-923.62 của ông T: Do không xác định được nơi Đ cầm xe, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được; ông T yêu cầu Đ phải bồi thường giá trị xe 25.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKS-HS ngày 10/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố bị cáo Thạch Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm

chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Thạch Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thạch Đ từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Thạch Đ khai nhận: Sau khi bán xe cho ông Trần Hùng D, Đ được ông D cho mượn lại xe mô tô hiệu Honda SH150i, biển số 61D1-536.63 để đi lại, khoảng tháng 6/2019 do hết tiền tiêu xài nên Đ đã đem xe mô tô trên cầm cho ông Phan Quốc D lấy số tiền 100.000.000 đồng; đồng thời, sau khi được ông Phạm Văn T cho mượn xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 61B1-923.62 để đi công việc, ngày 13/01/2020 Đ đã đem xe đi cầm cho một tiệm cầm đồ (hiện không xác định rõ tên hiệu và địa chỉ cụ thể) lấy số tiền 17.000.000 đồng; sau khi cầm xe của ông Hùng D và ông T, Đ bỏ trốn. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong quá trình điều tra; vật chứng của vụ án và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án; tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 105.000.000 đồng. Như vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Thạch Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Hành vi lợi dụng bị hại tin tưởng giao tài sản sau đó chiếm đoạt rồi bỏ trốn của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi và ý thức xem thường pháp luật nên bị cáo đã cố tình thực hiện; do đó, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, phải có mức hình phạt tương xứng, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội

một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội cũng như nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Phạm tội 02 lần trở lên; đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị hại (ông T) có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là rất nghiêm trọng, nên đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp, đúng pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[7] Đối với ông Phan Quốc D, quá trình điều tra xác định: Khi cầm xe, ông Quốc D không biết xe mô tô hiệu Honda SH150i, biển số 61D1-536.63 của Đ đã bán cho ông Hùng D, nên Cơ quan điều tra không khởi tố ông Quốc D về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng.

[8] Sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Hùng D và ông T, Thạch Đ lại tiếp tục phạm tội và bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 09 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; do đó, cần tổng hợp hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2021/HSST ngày 25/02/2021 (đã có hiệu lực pháp luật) của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng để buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt chung.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, ông Trần Hùng D không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, ông Phan Quốc D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 100.000.000 đồng, ông Phạm Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 25.000.000 đồng; tại phiên tòa, bị cáo Thạch Đ đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông Quốc D và ông T; do đó, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Quốc D và ông T theo yêu cầu.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Thạch Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Thạch Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2021/HSST ngày 25/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Buộc bị cáo Thạch Đ phải chấp hành hình phạt chung là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/02/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015:

Buộc bị cáo Thạch Đ bồi thường cho ông Phan Quốc D số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Buộc bị cáo Thạch Đ bồi thường cho ông Phạm Văn T số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Thạch Đ phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Thạch Đ phải nộp 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Trường**

